

A. NỘI DUNG

BÀI 1: HỆ THỐNG TIN HỌC – GIAO DIỆN HỆ ĐIỀU HÀNH

1. Thiết bị tin học
2. Chức năng – các loại hệ điều hành
3. Vấn đề quản lý cơ bản trên hệ điều hành

BÀI 2: QUẢN LÝ TRÊN WINDOWS

1. Quản lý giao diện làm việc
2. Quản lý thông tin
3. Thao tác quản lý
4. Thuật ngữ liên quan quản lý
5. Một số trình duyệt Web thông dụng

BÀI 3: QUẢN LÝ THIẾT BỊ AN TOÀN DỮ LIỆU

1. Quản lý thiết bị
2. An toàn dữ liệu

BÀI 4: SOẠN THẢO VĂN BẢN – CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

1. Giao diện
2. Hệ thống các khái niệm – kiến thức cơ bản về hệ soạn thảo văn bản

BÀI 5: ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN

1. Định dạng trang
2. Định dạng kí tự
3. Định dạng đoạn
 - a. Kí tự và số thứ tự đầu đoạn văn bản (Bullets và Numbering)
 - b. Khung viền và màu nền (Borders and Shading)
4. Định chữ cái lớn đầu đoạn
5. Định dạng cột

BÀI 6: VĂN BẢN DẠNG TAB

1. Kiến thức cơ bản
2. Kỹ thuật dùng phím tab

BÀI 7: THỰC HIỆN CHÈN CÁC ĐỐI TƯỢNG

1. Chèn hình ảnh (Picture)

2. Chèn đối tượng Shapes
3. Chèn Text box
 - a. Định dạng các đối tượng TextBox
 - b. Chức năng Link TextBox
4. Chèn đối tượng wordart

BÀI 8: THAO TÁC VỚI BẢNG BIỂU

1. Tạo bảng
2. Hiệu chỉnh bảng

BÀI 9: HỖ TRỢ XỬ LÝ TRONG WORD 2016

1. Auto correct
2. Tùy chỉnh hệ thống (File / Option)
 - a. Display Option (tùy chỉnh hiển thị)
 - b. Save Options (tùy chỉnh lưu văn bản)
 - c. Proofing option (tùy chỉnh kiểm tra tài liệu)
 - d. Advanced Options (tùy chỉnh nâng cao)

B. CÂU HỎI THAM KHẢO:

Câu 1: Khi sử dụng thiết bị tin học mà cần cài đặt một chương trình thì thiết bị sẽ ưu tiên sử dụng kết nối loại nào?

- | | |
|----------------------------------|----------------|
| A. không cần kết nối mạng | B. wifi |
| C. 3G | D. 4G |

Câu 2: Tại sao cùng dung lượng bộ nhớ thì Android lại chạy chậm hơn iOS hay Windows phone?

- A.** Hệ điều hành Android có dung lượng lớn hơn
- B.** Hệ điều hành Android cần bộ nhớ nhiều hơn
- C.** Hệ điều hành Android chạy ngầm các ứng dụng
- D.** Hệ điều hành Android cho phép nhiều ứng dụng chạy cùng lúc

Câu 3: Trên một thiết bị chạy Android, để cài thêm chương trình mà tốc độ của thiết bị vẫn ổn định, ta cần thay đổi yếu tố nào?

- A.** Tăng dung lượng bộ nhớ
- B.** Tăng dung lượng lưu trữ
- C.** Gỡ bỏ các ứng dụng cần thiết
- D.** Không cài các ứng dụng đòi hỏi dung lượng lớn

Câu 4: Trong các hệ điều hành sau, hệ điều hành nào quản lí bộ nhớ kém nhất ?

- A.** Android **B.** Windows **C.** Linus **D.** iOS

Câu 5: Để cài đặt máy in, ta cần phải có gì?

- A.** Install **B.** Mouse **C.** Driver **D.** Monitor

Câu 6: Tập tin nào sau đây là tập tin hình ảnh

- A.** *.exe, *.sys **B.** *.jpg, *.bmp **C.** *.docx, *.txt **D.** *.mp4, *.flv

Câu 7: Tập tin nào sau đây là tập tin phim

- A.** *.exe, *.com **B.** *.jpg, *.png **C.** *.docx, *.doc **D.** *.avi, *.flv

Câu 8: Để tạo một tập tin sử dụng lệnh

- A.** New **B.** Open **C.** Rename **D.** Delete

Câu 9: Để xóa một thư mục sử dụng lệnh :

- A.** New **B.** Cut **C.** Delete **D.** Rename

Câu 10: Khi dùng lệnh Rename trên tập tin thì việc gì sẽ xảy ra

- A.** tập tin sẽ bị đổi tên **B.** tập tin sẽ thay đổi ứng dụng của nó
C. tập tin sẽ thay đổi nội dung **D.** tập tin sẽ chuyển qua vị trí mới

Câu 11: Khi nào lệnh Detele không thể thực hiện

- A.** tập tin không tồn tại **B.** tập tin được đặt thuộc tính read only
C. tập tin đang mở **D.** không thể xảy ra tình huống này

Câu 12: Trong Windows, muốn xóa một tập tin hay thư mục, ta dùng lệnh

- A.** Delete **B.** File **C.** View **D.** Cut

Câu 13: Lệnh Format trong Windows có ý nghĩa là

- A.** Sao chép toàn bộ ổ đĩa
B. Xóa tất cả các tập tin trên ổ đĩa chọn
C. Xóa tất cả các thư mục trên ổ đĩa chọn
D. Xóa tất cả tập tin trên ổ đĩa chọn và định dạng lại ổ đĩa

Câu 14: Trong Windows, để sao chép một tập tin đã chọn,ta dùng lệnh

- A.** Copy **B.** Edit **C.** Paste **D.** Rename

Câu 15: Trong Windows, Taskbar dùng để :

- A.** Chứa các chương trình không sử dụng **B.** Chứa chương trình đang được mở

C. Chứa các folder đang mở

D. Chứa các cửa sổ đang mở

Câu 16: Để thay đổi cách nhận dạng ngày trong Windows, ta sẽ sử dụng mục chọn nào trong Control Panel hoặc Settings?

A. date and time B. default programs C. display D. device manager

Câu 17: Để kết nối các máy tính trong một hệ thống thành một mạng, người ta thường dùng

A. ADSL router

B. thiết bị nhận mạng 3G

C. switch

D. access point

Câu 18: Chọn phát biểu đúng

A. ADSL router là thiết bị phát tín hiệu wifi B. access point là thiết bị nhận tín hiệu wifi

C. access point là thiết bị phát tín hiệu wifi D. ADSL router là thiết bị nhận tín hiệu wifi

Câu 19: Làm sao biết IP của máy ta đang sử dụng?

A. dùng lệnh IPCONFIG ở chế độ command prompt

B. không thể biết

C. dùng lệnh CMD ở chế độ Start/run

D. dùng lệnh IPCONFIG ở chế độ Start/run

Câu 20: Khi cần vào chế độ command prompt, cần nhập lệnh nào ở chế độ RUN (dùng nút Windows + R)

A. command prompt

B. cmd

C. IPCONFIG

D. Exit

Câu 21: Để xóa khối và đưa nội dung của nó vào clipboard, ta có thể :

A. chọn  Cut

B. chọn  Copy

C. chọn  Past

D. Ctrl+C

Câu 22: Để một đoạn văn được canh đều hai bên (sát biên trái và biên phải của đoạn), ta có thể chọn

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 23: Đang soạn thảo bằng word muốn thoát khỏi word, ta có thể

A. dùng file/close

B. nhấn alt+f4

C. chọn lệnh exit từ hộp control box của cửa sổ word

D. dùng file/new

Câu 24: Để tìm và thay thế một nhóm từ trong văn bản word ta chọn nút  Replace trên ribbon:

- A. home B. insert C. view D. review

Câu 25: Để canh đều 2 bên cho phần văn bản được chọn, ta nhấn tổ hợp phím nào sau đây

- A. Ctrl+J B. Ctrl+E C. Ctrl+L D. Ctrl+R

Câu 26: Trong word, để mở một file, ta dùng tổ hợp phím

- A. Ctrl+O B. Ctrl+S C. Ctrl+N D. Ctrl+P

Câu 27: Để đưa kí tự đầu dòng rơi xuống dạng chữ lớn, ta chọn nút lệnh

- A. Symbol B. Drop cap C. Picture D. Text box

Câu 28: Trong word, để tạo một trang văn bản mới, ta dùng

- A. Ctrl+N B. Ctrl+O C. Ctrl+S D. Ctrl+F

Câu 29: Trong Word, để di chuyển con trỏ về đầu văn bản, ta dùng phím

- A. Home B. Alt+Home C. End D. Ctrl+Home

Câu 30: Trong word, để lưu file với tên khác, ta dùng menu lệnh :

- A. File/Save as B. File/Info C. File/Close D. File/Exit

Câu 31: Chức năng drop cap dùng để

- A. làm chữ hoa cho toàn bộ đoạn văn bản
B. làm chữ hoa từ đầu cho toàn văn bản trong đoạn
C. làm to kí tự đầu tiên của đoạn và chiếm n dòng
D. làm tăng cỡ chữ văn bản trong đoạn

Câu 32: Để đánh số tự động cho các đoạn văn bản liên tiếp, ta có thể chọn

- A.  B. _ C.  D. 

Câu 33: Để viết chỉ số dưới (ví dụ :H₂O) ta chọn

- A. Ctrl+[B. Ctrl+[C. Ctrl+= D. Ctrl+Shift+=

Câu 34: Để đóng khung một đoạn văn, ta dùng nút lệnh :

- A.  B.  C.  D. 

Câu 35: Muốn chèn một bullet (dấu đầu dòng) vào văn bản đang soạn thảo, ta chọn

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 36: Muốn ra màn hình in, ta chọn :

A. Ctrl+I

B. Ctrl+L

C. Ctrl+P

D. Ctrl+Shift+L

Câu 37: Trong word, nút lệnh nào sau đây cho ta chọn màu kí tự

A. 

B. 

C. 

D.  Format Painter

Câu 38: Sau khi định dạng một nhóm kí tự in đậm, nếu bôi đen các kí tự này nhấp vào biểu tượng  Format Painter, rồi nhấp vào một nhóm kí tự khác trong văn bản, thì điều gì xảy ra

A. nhóm kí tự sau sẽ in đậm

B. nhóm kí tự đầu không in đậm nữa

C. toàn bộ đoạn chứa nhóm kí tự sau sẽ in đậm

D. nhóm kí tự sau sẽ in đậm và nghiêng

Câu 39: Để tăng dần kích cỡ chữ cho một nhóm kí tự đang chọn, ta chọn tổ hợp phím nào sau đây?

A. Ctrl+[

B. Ctrl+]

C. Ctrl+=

D. Ctrl+Shift+=

Câu 40: Để soạn thảo tiêu đề đầu của trang văn bản, trên Ribbon Insert ta chọn:

A. Header

B. Footer

C. Page Number

D. Hyperlink

Câu 41: Để tạo một bảng mới ta dùng lệnh:

A. Table trên Ribbon Insert

B. Table trên Ribbon Home

C. Table trên Ribbon Page Layout

D. Table trên Ribbon View

Câu 42: Để chia cột bắt buộc (văn bản tại vị trí con trỏ sẽ qua cột kế tiếp), ta dùng

A. Ctrl+Enter

B. Ctrl+Shift+Enter

C. Alt+Enter

D. Alt+Shift+Enter

Câu 43: Chức năng của Merge Cells dùng để

A. chia nhóm ô đang chọn thành nhiều ô

B. gộp nhóm ô đang chọn thành một ô

C. kẻ khung các ô đang chọn

D. bỏ khung các ô đang chọn

Câu 44: Khi các ô được chọn có nội dung, chức năng Merge Cells sẽ

A. trộn nội dung nhóm ô chọn và gộp thành 1 ô

B. chỉ giữ nội dung ô cuối cùng và gộp thành 1 ô duy nhất

C. xóa nội dung của nhóm ô chọn và gộp thành 1 ô

D. chỉ giữ nội dung ở ô đầu tiên và gộp thành 1 ô duy nhất

Câu 45: Khi con trỏ ở ô cuối cùng của bảng, nhấn phím Tab thì

A. con trỏ nhảy về ô đầu tiên của bảng **B.** con trỏ đứng yên vì đã hết bảng

C. con trỏ sẽ nhảy ra đoạn văn bên dưới bảng **D.** sẽ cho bảng thêm một dòng mới

Câu 46: Để đóng khung cho bảng, ta sử dụng :

A. 

B. 

C. nút 

D. nút 

Câu 47: Để chia một ô trong bảng thành nhiều ô, ta đánh dấu ô đó và dùng lệnh

A. Merge Cells

B. Insert Cells

C. Split Cells...

D. Split Table

Câu 48: Trong Word, để xóa một hay nhiều hàng của bảng, ta dùng lệnh

A. Delete Rows

B. Delete Cells...

C. Delete Columns

D. Delete Table

Câu 49: Trong một bảng, để sử dụng Tab, ta sẽ dùng

A. phím tab

B. phím Alt

C. tổ hợp phím ctrl+alt+tab

D. tổ hợp phím ctrl+tab

Câu 50: Để đặt Tab vào văn bản đang soạn, ta có thể

A. nhấn vào biểu tượng 

B. chọn biểu tượng 

C. chọn biểu tượng 

D. chọn biểu tượng 

Câu 51: Vật lý..... 80 tiết.....Học phần 2

Văn 100 tiết.....Học phần 2

Sử dụng mấy Tab trên 1 hàng văn bản

A. 2

B. 3

C. 1

D. không tính được

Câu 52: Trong các kí hiệu tab sau, kí hiệu nào là tab canh giữa

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 53: Khi kéo kí hiệu tab trên xuống khỏi thước, điều này có nghĩa là:

A. trả tab về mặc định

B. hủy dạng tab tại vị trí tương ứng

C. thay đổi dạng tab sang dạng kế tiếp

D. hủy tất cả những tab từ vị trí đó về trước

Câu 54: Khi muốn đặt các vị trí của tab trên vùng chọn: Sau khi chọn vị trí trong hộp thoại tab, ta chọn lại tab và chọn nút nào để thiết lập

A. chọn clear B. chọn set C. chọn clear all D. chọn leader

Câu 55: Khi muốn hủy tất cả vị trí của tab trên vùng chọn, ta thực hiện:

- A. trong hộp thoại tab, chọn clear
- B. trong hộp thoại tab, chọn set
- C. trong hộp thoại tab, chọn clear all
- D. chỉ có cách kéo lần lượt từng vị trí tab khỏi thước

Câu 56: Chức năng WordArt có trong Ribbon nào sau đây:

A. Home B. Insert C. View D. Page Layout

Câu 57: Khi đưa một hình chữ nhật vào trên văn bản thì các chữ của văn bản bị che mất, thực hiện thế nào để có thể hiển thị văn bản

- A. Chọn màu trắng cho hình chữ nhật
- B. Chọn hình chữ nhật, nhấn chuột phải chọn Send to back, chọn Send behind Text
- C. Chọn hình chữ nhật, nhấn chuột phải chọn Send to back, chọn Send backward
- D. Chọn hình chữ nhật, nhấn chuột phải chọn Send to back, chọn Send to back

Câu 58: Trong khi vẽ một đường thẳng trong AutoShapes, nếu vừa vẽ vừa giữ phím Shift thì đường thẳng sẽ

- A. nằm ngang B. thẳng đứng
- C. nghiêng 30^0 , 45^0 , 60^0 D. nằm ngang; đứng; nghiêng 45^0

Câu 59: Muốn chọn màu nền cho một AutoShapes, ta có thể nhấp chọn biểu tượng nào

- A.  B.  C.  D. 

Câu 60: Muốn cho một AutoShapes có bóng, ta có thể chọn trong chức năng nào

A. Shapes Effects B. Shape Outline C. Shape Fill D. Shape Color

Câu 61: Để chèn một hình ảnh có sẵn trong máy vào vị trí con nháy, ta chọn lệnh

A. Picture B. Chart C. Text Box D. Equation

CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT